



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	02
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	07 - 26

M: 010
C
TRÁC
K
M
K
E
S

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Văn Bản	Chủ tịch
Ông Vũ Phi Hồ	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Văn Hiến	Thành viên
Ông Mai Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/06/2014)
Ông Phạm Bình Nguyên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/06/2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Phi Hồ	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21/03/2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2014

Số: 343 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14/08/2014, từ trang 03 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính"). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào và Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Bó Nặm, nên chúng tôi không có cơ sở để xem xét trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn. Tổng giá trị đầu tư của Công ty vào hai công ty này là 6.205.922.401 đồng.

Tại thời điểm 30/06/2014 Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Bó Nặm, giá trị cần phải trích dự phòng là 2.897.857.320 đồng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại thời điểm 30/06/2014 tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 36.199.555.381 đồng (tại 01/01/2014 là 18.071.138.644 đồng), điều này cho thấy việc mất cân đối về thanh toán nợ ngắn hạn, ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng ngày 26/06/2014 Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết số 43/2014/NQ-ĐHĐCĐ về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ, theo đó Công ty bán cổ phần cho các đối tượng nợ phải trả là Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã, Công ty TNHH Dịch vụ ANB và Ông Đặng Thanh Vân, với việc phát hành thành công cổ phiếu riêng lẻ này sẽ đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Chưa có bút toán điều chỉnh nào có liên quan đến sự kiện không chắc chắn này.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Chữ Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B 01a-DN	
			30/06/2014	Đơn vị: VND 01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		65.603.946.791	37.530.156.595
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.253.639.185	2.854.763.595
1. Tiền	111		6.253.639.185	2.854.763.595
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.173.476.978	15.216.078.635
1. Phải thu khách hàng	131	5	11.675.911.880	12.050.606.785
2. Trả trước cho người bán	132	6	2.025.744.845	1.829.842.982
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2.613.679.480	2.477.488.095
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.141.859.227)	(1.141.859.227)
III. Hàng tồn kho	140	8	27.791.672.466	16.450.318.735
1. Hàng tồn kho	141		27.791.672.466	16.450.318.735
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.385.158.162	3.008.995.630
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	12.520.482.249	1.771.428.028
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.816.487.117	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	2.048.188.796	1.237.567.602
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		90.306.773.887	80.377.961.537
I. Tài sản cố định	220		75.003.291.480	70.286.071.194
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	39.174.658.478	42.562.809.044
- Nguyên giá	222		89.322.656.932	89.217.656.932
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.147.998.454)	(46.654.847.888)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	977.202.290	1.047.541.626
- Nguyên giá	228		1.845.379.086	1.845.379.086
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(868.176.796)	(797.837.460)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	34.851.430.712	26.675.720.524
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.325.922.401	6.573.532.491
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	247.610.090
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	1.475.086.581	1.475.086.581
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	4.850.835.820	4.850.835.820
III. Tài sản dài hạn khác	260		8.977.560.006	3.518.357.852
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	3.078.860.744	2.864.053.590
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		385.238.623	385.238.623
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.513.460.639	269.065.639
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		155.910.720.678	117.908.118.132

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01a-DN	
			30/06/2014	Đơn vị: VND 01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		101.821.502.172	55.619.295.239
I. Nợ ngắn hạn	310		101.803.502.172	55.601.295.239
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	34.385.963.399	13.609.690.207
2. Phải trả người bán	312	18	24.955.448.195	6.045.793.287
3. Người mua trả tiền trước	313	19	22.575.983.764	21.082.587.103
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	1.213.621.034	548.083.819
5. Phải trả người lao động	315		6.711.478.875	3.244.618.246
6. Chi phí phải trả	316		818.000	47.490.985
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	11.960.188.905	11.023.031.592
II. Nợ dài hạn	330		18.000.000	18.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		18.000.000	18.000.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		54.089.218.506	62.288.822.893
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	54.089.218.506	62.288.822.893
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.347.000.000	60.347.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.890.739	17.052.890.739
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.374.860.593	11.374.860.593
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.025.846.951	2.025.846.951
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(36.711.379.777)	(28.511.775.390)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		155.910.720.678	117.908.118.132



Trần Thị Yên
Người lập biểu
Bắc Kạn, ngày 14 tháng 08 năm 2014





Nguyễn Văn Chi
Kế toán trưởng

Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MÃ SỐ B 02a-DN	
			Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
			Đơn vị: VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.318.294.232	12.067.207.305
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		24.494.679	42.556.961
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	4.293.799.553	12.024.650.344
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	8.013.989.163	19.998.996.856
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(3.720.189.610)	(7.974.346.512)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.040.620	103.113.690
7. Chi phí tài chính	22	27	983.289.406	682.003.581
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		983.289.406	682.003.581
8. Chi phí bán hàng	24		114.150.452	57.123.782
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.978.143.622	3.816.329.803
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(8.792.732.470)	(12.426.689.988)
11. Thu nhập khác	31		776.754.726	1.505.354.754
12. Chi phí khác	32		183.626.643	159.859.799
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	28	593.128.083	1.345.494.955
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(8.199.604.387)	(11.081.195.033)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(8.199.604.387)	(11.081.195.033)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(1.359)	(2.004)

Trần Thị Yến
Người lập biểu
Bắc Kạn, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Văn Chi
Kê toán trưởng

Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	MẪU SỐ B 03a-DN	
		Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
Đơn vị: VND			
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	(8.199.604.387)	(11.081.195.033)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	3.563.489.902	1.960.908.017
Các khoản dự phòng	3	-	(11.672.922)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(3.040.620)	(103.133.690)
Chi phí lãi vay	6	983.289.406	682.003.581
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(3.655.865.699)	(8.553.090.047)
Thay đổi các khoản phải thu	9	(2.584.506.654)	8.316.720.973
Thay đổi hàng tồn kho	10	(11.341.353.731)	9.417.061.281
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17.160.223.553	(5.632.021.447)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(10.963.861.375)	(312.459.970)
Tiền lãi vay đã trả	13	(806.782.691)	(682.003.581)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	476.513.346
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.244.395.000)	(4.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(17.436.541.597)	3.025.820.555
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(2.081.044.724)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	56.103.375	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.040.620	103.133.690
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	59.143.995	(1.977.911.034)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	7.622.407.960
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	29.767.201.975	6.330.101.572
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.990.928.783)	(12.472.280.746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.776.273.192	1.480.228.786
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	3.398.875.590	2.528.138.307
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.854.763.595	499.262.766
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	6.253.639.185	3.027.401.073

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 8.280.710.188 đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Trần Thị Yến
Người lập biểu
Bắc Kạn, ngày 14 tháng 08 năm 2014



Nguyễn Văn Chi
Kế toán trưởng



Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghệ - Khoa học công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn (nay là Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Kạn), được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/04/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29/03/2006; Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 8 ngày 01/07/2014.

Vốn điều lệ của Công ty là 60.347.000.000 VND.

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: BKC.

Thông tin về Chi nhánh:

- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại tỉnh Thái Nguyên
Địa chỉ: Mỏ Phú Đô, thôn Cầu Đá, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Xí nghiệp Khai thác và chế biến khoáng sản Chợ Đồn

Địa chỉ: Thôn Lũng Vãng, xã Bằng Lăng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- ✓ Khai thác quặng sắt; khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- ✓ Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- ✓ Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản rau quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- ✓ Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ;
- ✓ Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ✓ Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ✓ Thăm dò khai khoáng; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại thời điểm 30/06/2014 tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 36.199.555.381 đồng (tại 01/01/2014 là 18.071.138.644 đồng) điều này cho thấy dấu hiệu về mất khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng ngày 26/06/2014 Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết số 43/2014/NQ-DHĐCĐ về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ, theo đó Đại hội thông qua việc bán cổ phần cho các đối tượng nợ phải trả là Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã, Công ty TNHH Dịch vụ ANB và Ông Đặng Thanh Vân, với việc phát hành thành công cổ phiếu riêng lẻ này sẽ đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Đến thời điểm lập báo cáo này Công ty vẫn chưa phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán này từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị quản lý	05
Tài sản cố định khác	05 - 06

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ nước khoáng AVA, quyền sử dụng đất. Các tài sản vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng tài sản.

Thời gian khấu hao:

	Thời gian sử dụng ước tính (Số năm)
Quyền khai thác khoáng sản nước khoáng AVA	05
Quyền sử dụng đất	20

Quyền khai thác khoáng sản thể hiện giá trị của mỏ nước khoáng AVA đã được một công ty độc lập định giá, nên Công ty ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Mỏ có vị trí tại xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Hiện tại mỏ này đang tạm dừng khai thác.

Chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động trước khai thác đối với các mỏ khoáng sản khác được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh khi tiến hành khai thác thực tế.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về hướng dẫn trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 228. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, máy móc thiết bị khai thác mỏ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định; các chi phí trong quá trình đầu tư xây dựng mỏ Nà Bốp - Pù Sáp, các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn dưới 1 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước ngắn hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 06 đến 12 tháng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông; Phân phối lợi nhuận của Công ty thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2014, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 36.711.379.777 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 28.511.775.390 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa là 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.751.387.953	141.807.170
Tiền gửi ngân hàng	2.502.251.232	2.712.956.425
Cộng	<u>6.253.639.185</u>	<u>2.854.763.595</u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Luyện kim Vĩnh Phát	7.457.905.423	7.215.120.276
Công ty Cổ phần ĐT TM & Du lịch Bó Nặm	2.897.857.320	2.897.857.320
Công ty liên doanh kim loại màu Việt Bắc	-	957.274.500
Đối tượng khác	1.320.149.137	980.354.689
Cộng	<u>11.675.911.880</u>	<u>12.050.606.785</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty CP TV khảo sát thiết kế & XD mỏ địa chất	420.000.000	420.000.000
Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm khai thác mỏ	230.000.000	180.000.000
Công ty TNHH Hoàng Tốt	214.305.575	303.403.712
Công ty TNHH Thanh Bình	200.000.000	-
Công ty TNHH Hoàng Ngân	70.000.000	70.000.000
Các đối tượng khác	891.439.270	856.439.270
Cộng	<u>2.025.744.845</u>	<u>1.829.842.982</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	272.704.550	272.704.550
Công ty Liên doanh kim loại màu Việt Bắc	204.343.378	267.256.241
Nguyễn Văn Nghĩa	200.000.000	-
Phòng kinh doanh	-	150.000.000
Đối tượng khác	1.936.631.552	1.787.527.304
Cộng	<u>2.613.679.480</u>	<u>2.477.488.095</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	60.084.140	60.084.140
Nguyên liệu, vật liệu	11.950.951.230	8.540.503.678
Công cụ, dụng cụ	1.963.500.598	563.609.945
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.301.252.963	3.301.313.969
Thành phẩm	10.273.760.728	3.717.532.204
Hàng hoá	96.142.179	115.420.987
Hàng gửi đi bán	145.980.628	151.853.812
Cộng	27.791.672.466	16.450.318.735
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	27.791.672.466	16.450.318.735

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Từ 01/01/2014 đến</u> <u>30/06/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến</u> <u>30/06/2013</u>
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.771.428.028	937.161.470
- Tăng trong kỳ	11.195.953.555	144.000.000
- Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(446.899.334)	(167.163.007)
Tại ngày 30 tháng 06	12.520.482.249	913.998.463

Chi phí trả trước ngắn hạn tăng trong kỳ chủ yếu là chi phí trong giai đoạn đầu tư xây dựng mô Nà bốp - Pù Sáp, các chi phí này sẽ được phân bổ cho kỳ kế toán tiếp theo.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1.963.188.796	1.152.567.602
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	85.000.000	85.000.000
Cộng	2.048.188.796	1.237.567.602

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa,</u> <u>vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và</u> <u>thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận</u> <u>tải</u>	<u>Thiết bị, dụng</u> <u>cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định</u> <u>khác</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	40.116.814.912	42.028.288.288	4.745.303.645	439.286.569	1.887.963.518	89.217.656.932
Tăng trong kỳ	-	105.000.000	-	-	-	105.000.000
- Mua sắm	-	105.000.000	-	-	-	105.000.000
Tại ngày 30/06/2014	40.116.814.912	42.133.288.288	4.745.303.645	439.286.569	1.887.963.518	89.322.656.932
GIÁ TRỊ HAO MÔN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	14.842.497.042	25.826.858.396	4.264.009.810	358.516.238	1.362.966.402	46.654.847.888
Khấu hao trong kỳ	1.471.768.208	1.775.756.764	47.177.989	16.022.713	182.424.892	3.493.150.566
Tại ngày 30/06/2014	16.314.265.250	27.602.615.160	4.311.187.799	374.538.951	1.545.391.294	50.147.998.454
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2014	25.274.317.870	16.201.429.892	481.293.835	80.770.331	524.997.116	42.562.809.044
Tại ngày 30/06/2014	23.802.549.662	14.530.673.128	434.115.846	64.747.618	342.572.224	39.174.658.478

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 28.385.473.553 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 21.744.511.121 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp tài sản là hệ thống Nhà máy luyện chì với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 27.417.844.970 đồng (31 tháng 12 năm 2013 là 28.940.898.345 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền khai thác khoáng sản	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	1.050.354.127	795.024.959	1.845.379.086
Tại ngày 30/06/2014	1.050.354.127	795.024.959	1.845.379.086
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	758.086.212	39.751.248	797.837.460
Khấu hao trong kỳ	30.588.088	39.751.248	70.339.336
Tại ngày 30/06/2014	788.674.300	79.502.496	868.176.796
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	292.267.915	755.273.711	1.047.541.626
Tại ngày 30/06/2014	261.679.827	715.522.463	977.202.290

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	26.675.720.524	25.420.615.320
- Tăng trong kỳ	8.175.710.188	1.901.044.724
- Phân bổ vào chi phí trong kỳ	-	(602.003.085)
- Giảm khác trong kỳ	-	-
Tại ngày 30 tháng 06	34.851.430.712	26.719.656.959

Chi tiết một số công trình xây dựng cơ bản như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	34.851.430.712	26.675.720.524
<i>Một số công trình chính:</i>		
Nhà máy xử lý chất thải rắn	9.142.124.595	9.142.124.595
Đầu tư mỏ Nà Bốp - Pù Sáp	8.060.710.188	-
Dự án mỏ vàng Pắc Lạng	4.415.190.347	4.415.190.347
Đường, cống, sân, đập, trạm bơm xường tuyển	2.730.345.841	2.730.345.841
Dự án Nhà máy xi măng Chợ Mới	2.639.741.198	2.639.741.198
Điểm mỏ chì kẽm Tùm Tó, Nà Ruồng	1.767.815.022	1.767.815.022
Mỏ rộng Nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964
Sửa chữa lớn Xí nghiệp tuyển quặng	1.600.299.829	1.600.299.829
Chi phí đào lò 313 và Boong ke 320, lò 326	1.030.617.713	1.030.617.713
Sửa chữa lớn tại Xí nghiệp Bột kẽm và Ô xít	286.617.446	286.617.446
Nhà máy luyện chì	216.052.423	216.052.423
Xường in phun mờ chai	109.286.614	109.286.614
Các công trình khác	1.263.128.532	1.148.128.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

a) Chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty liên kết

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và du lịch Bó Nặm	147.509	1.475.086.581	147.509	1.475.086.581
Cộng		1.475.086.581		1.475.086.581

b) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và du lịch Bó Nặm	Thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	26,5%	26,5%	Thương mại và du lịch

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào (i)		4.730.835.820		4.730.835.820
Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim Bắc Kạn	12.000	120.000.000	12.000	120.000.000
Cộng		4.850.835.820		4.850.835.820

(i) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào, Công ty chưa được phát hành cổ phiếu tương ứng với phần vốn đã đầu tư. Hiện tại Ban Tổng Giám đốc Công ty đang xem xét tình trạng hoạt động của Công ty này để có các giải pháp trong thời gian tới.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	2.864.053.590	2.170.641.342
- Tăng trong kỳ	228.852.818	383.821.627
- Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(14.045.664)	(48.198.650)
- Giảm khác trong kỳ		
Tại ngày 30 tháng 06	3.078.860.744	2.506.264.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng	9.801.062.517	8.421.390.755
Ngân hàng TMCP ĐPTT Việt Nam - CN Bắc Kạn	-	870.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Kạn (i)	9.801.062.517	7.551.390.755
Vay ngắn hạn các từ các doanh nghiệp khác	15.300.000.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã (ii)	15.300.000.000	-
Vay các cá nhân	9.284.900.882	5.188.299.452
- Ông Đặng Thanh Vân	6.392.830.287	-
- Đối tượng khác	2.892.070.595	5.188.299.452
Cộng	34.385.963.399	13.609.690.207

i) Hợp đồng Số 03.06/2014-HĐTĐHM/NHCT172-Khoangsan ngày 13/06/2014 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 13/06/2014, hạn mức tiền vay là 10 tỷ đồng, lãi suất tiền vay là 9,5%/ năm. Khoản vay được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.03.2012/HĐTC-DN ngày 12/04/2012.

ii) Hợp đồng vay số 27 KSBK-TM/2014 ngày 06/05/2014 giữa Công ty với Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã, số dư tại ngày 30/06/2014 là 15,3 tỷ đồng, hết thời hạn vay Công ty phát hành cổ phiếu cân trừ công nợ với giá trị 10.000 đồng/cổ phiếu, sau 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên Công ty vẫn chưa chuyển nhượng được cổ phần cho bên Thiên Mã, sẽ ghi nhận khoản nợ này thành vốn góp liên doanh theo Biên bản làm việc số 08/BB-KS ngày 20/02/2014.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH tập đoàn Thiên mã	17.315.816.809	-
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	1.973.160.000	-
Công ty TNHH Hoàng Tốt	246.456.157	246.456.157
Công ty TNHH một thành viên 27	205.254.830	205.254.830
Công ty Cổ phần Tư vấn mỏ	100.000.000	100.000.000
Các đối tượng khác	5.114.760.399	5.494.082.300
Cộng	24.955.448.195	6.045.793.287

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.637.454.164	20.637.454.164
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	1.500.000.000	-
Đối tượng khác	438.529.600	445.132.939
Cộng	22.575.983.764	21.082.587.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	2.245.230	82.929.572
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13.373.897	57.751.040
Thuế thu nhập doanh nghiệp	401.782.977	401.782.977
Thuế tài nguyên	267.656.310	3.375.000
Các loại thuế khác	-	2.245.230
Phí, lệ phí và các khoản phí nộp khác	528.562.620	-
Cộng	<u>1.213.621.034</u>	<u>548.083.819</u>

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
BHXH, BHYT, KPCĐ	1.124.299.449	403.474.623
Phải trả, phải nộp khác	10.835.889.456	10.619.556.969
- Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (i)	4.930.000.000	5.250.000.000
- Công ty Liên doanh kim loại màu Việt Bắc (ii)	3.911.834.400	3.911.834.400
- Tiền cổ tức phải trả	354.055.160	354.055.160
- Phải trả, phải nộp khác	1.639.999.896	1.103.667.409
Cộng	<u>11.960.188.905</u>	<u>11.023.031.592</u>

(i) Tiền đặt cọc theo thỏa thuận đầu tư khai thác tại mỏ vàng Pắc Lạng giữa Công ty với tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư khai thác. Theo Công văn số 258/BTNMT-ĐCKS ngày 10/02/2012 của Bộ Tài nguyên và môi trường đồng ý dừng công tác thăm dò quặng vàng tại khu vực Pắc Lạng huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, theo đó Công ty đang trả dần khoản tiền đặt cọc này cho các tổ chức, cá nhân theo thỏa thuận đầu tư khai thác đã ký kết.

(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/03/2008 giữa Công ty với Công ty Liên doanh kim loại màu Việt Bắc, mục đích xây dựng Nhà máy luyện chi thô tại khu vực Chợ Đồn, Bắc Kạn. Công ty góp 13 tỷ đồng (chiếm 65% giá trị dự án) bằng quyền sử dụng đất, nguyên liệu và các cơ sở vật chất hạ tầng có sẵn; Công ty Liên doanh kim loại màu Việt Bắc góp 7 tỷ đồng (chiếm 35% giá trị dự án) bằng máy móc thiết bị, kỹ thuật công nghệ, chi phí lắp máy. Sau khi đã trừ chi phí và các khoản thuế phải nộp Công ty được chia 65% lợi nhuận hoặc các khoản lỗ; Công ty Liên doanh kim loại màu Việt Bắc được chia 35% lợi nhuận hoặc các khoản lỗ.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	60.347.000.000	16.075.321.615	(6.644.838.836)	11.374.860.593	2.025.846.951	(7.628.079.873)
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	(20.883.695.517)
Tăng khác	-	977.569.124	-	-	-	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	6.644.838.836	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2014	60.347.000.000	17.052.890.739	-	11.374.860.593	2.025.846.951	(28.511.775.390)
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	-	(8.199.604.387)
Số dư tại ngày 30/06/2014	<u>60.347.000.000</u>	<u>17.052.890.739</u>	<u>-</u>	<u>11.374.860.593</u>	<u>2.025.846.951</u>	<u>(36.711.379.777)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.034.700	6.034.700
+ Cổ phiếu phổ thông	6.034.700	6.034.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.034.700	6.034.700
+ Cổ phiếu phổ thông	6.034.700	6.034.700
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	10.000	10.000

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận khai thác và chế biến khoáng sản, Bộ phận Rượu và nước giải khát và Bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận khai thác và chế biến khoáng sản - khai thác, chế biến các loại khoáng sản đã được cấp phép.
 Bộ phận Rượu và nước giải khát - sản xuất và tiêu thụ rượu men lá.
 Bộ phận khác - sản xuất kinh doanh nước AVA, bán bột kẽm và hoạt động khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014

	Khai thác và Chế biến khoáng sản, VP	Rượu và nước giải khát	Khác	Tổng
Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	35.645.519.707	4.506.341.061	-	40.151.860.768
Xây dựng cơ bản dở dang	34.851.430.712	-	-	34.851.430.712
Các khoản phải thu	14.779.281.680	1.263.349.975	-	16.042.631.655
Hàng tồn kho	20.946.698.446	6.844.974.020	-	27.791.672.466
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	37.073.125.077
Tổng tài sản	106.222.930.545	12.614.665.056	-	155.910.720.678
NỢ PHẢI TRẢ				66.221.099.739
Các khoản phải trả	65.754.196.383	466.903.356	-	66.221.099.739
Phải trả tiền vay	34.385.963.399	-	-	34.385.963.399
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	-	1.214.439.034
Tổng nợ phải trả	100.140.159.782	466.903.356	-	101.821.502.172

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Khai thác và Chế biến khoáng sản, VP	Rượu và nước giải khát	Khác	Tổng
DOANH THU				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.092.364.411	197.613.235	3.821.907	4.293.799.553
Tổng doanh thu	4.092.364.411	197.613.235	3.821.907	4.293.799.553
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	-	-	(3.720.189.610)
Trừ : Chi phí không phân bổ	-	-	-	4.092.294.074
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	(7.812.483.684)
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	3.040.620
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(983.289.406)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXĐK	-	-	-	593.128.083
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	-	-	-	(8.199.604.387)
Lợi nhuận/ (lỗ) trong năm	-	-	-	(8.199.604.387)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014

Đơn vị tính: VND

	Khai thác và Chế biến khoáng sản, VP	Rượu và nước giải khát	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	38.338.726.807	5.271.623.863	-	43.610.350.670
Xây dựng cơ bản dở dang	26.675.720.524	-	-	26.675.720.524
Các khoản phải thu	14.900.959.498	1.279.982.189	-	16.180.941.687
Hàng tồn kho	9.494.075.305	6.956.243.430	-	16.450.318.735
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	14.990.786.516
Tổng tài sản				117.908.118.132
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	-	-	-	41.414.030.228
Phải trả tiền vay	-	-	-	13.609.690.207
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	-	304.870.254
Tổng nợ phải trả				55.619.295.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

	Khai thác và Chế biến khoáng sản, VP	Rượu và nước giải khát	Khác	Tổng
DOANH THU				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.993.450.344	31.200.000	-	12.024.650.344
Tổng doanh thu	11.993.450.344	31.200.000	-	12.024.650.344
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(7.803.360.860)	(69.124.796)	(101.860.856)	(7.974.346.512)
Trừ: Chi phí không phân bổ	-	-	-	3.873.453.585
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	(11.847.800.097)
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	103.113.690
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(682.003.581)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXĐK	-	-	-	1.345.494.955
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	-	-	-	(11.081.195.033)
Lợi nhuận/ (lỗ) trong năm	-	-	-	(11.081.195.033)

24. DOANH THU

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng		
- Doanh thu bán hàng hoá	4.318.294.232	12.067.207.305
	4.318.294.232	12.067.207.305
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	24.494.679	42.556.961
Doanh thu thuần về bán hàng	4.293.799.553	12.024.650.344

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Giá vốn cung cấp hàng hoá	8.013.989.163	19.998.996.856
Cộng	8.013.989.163	19.998.996.856

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.025.573.407	-
Chi phí nhân công	6.949.184.969	2.909.412.611
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.285.603.803	1.960.908.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.486.362.925	1.053.859.560
Chi phí khác	875.604.729	1.535.753.408
Cộng	17.622.329.833	7.459.933.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	983.289.406	682.003.581
Cộng	983.289.406	682.003.581

28. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu từ cho thuê văn phòng	4.000.000	93.818.182
Thu thanh lý phế liệu	229.968.636	-
Thu nhập khác	542.786.090	1.411.536.572
Cộng	776.754.726	1.505.354.754
<i>Chi phí khác</i>		
Chi phí khác	183.626.643	159.859.799
Cộng	183.626.643	159.859.799
Lợi nhuận khác	593.128.083	1.345.494.955

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(8,199,604,387)	(11,081,195,033)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	(8,199,604,387)	(11,081,195,033)
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.199.604.387)	(11.081.195.033)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty	(8.199.604.387)	(11.081.195.033)
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	6.034.700	5.528.581
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phổ thông của công ty	(1.359)	(2.004)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. THÔNG TIN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 43/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2014 về phương án phát hành riêng lẻ cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Cụ thể:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành dự kiến 5.703.028 cổ phần (tổng mệnh giá dự kiến 57.030.280.000 đồng)

Phương thức phát hành chào bán riêng lẻ cho các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức là các chủ nợ của Công ty và không phân biệt cổ đông mới hay cổ đông hiện hữu để cản trở công nợ.

Đối tượng phát hành:

- Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã: Số lượng cổ phần dự kiến chào bán 3.000.000 cổ phần (chiếm 25,56% vốn điều lệ sau phát hành), Công nợ dự kiến cản trừ tại 30/06/2014 là 30.000.000.000 đồng.
- Công ty TNHH Dịch vụ ANB: Số lượng cổ phần dự kiến chào bán 2.063.745 cổ phần (chiếm 17,58% vốn điều lệ sau phát hành), Công nợ dự kiến cản trừ tại 30/06/2014 là 20.637.454.164 đồng.
- Ông Đặng Thanh Vân: Số lượng cổ phần dự kiến chào bán 639.283 cổ phần (chiếm 5,45% vốn điều lệ sau phát hành), Công nợ dự kiến cản trừ tại 30/06/2014 là 6.392.830.287 đồng.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các đối tượng trên.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	34,385,963,399	13,609,690,207
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6,253,639,185	2,854,763,595
Nợ thuần	28,132,324,214	10,754,926,612
Vốn chủ sở hữu	54,089,218,506	62,288,822,893
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0.52</u>	<u>0.17</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.253.639.185	2.854.763.595	6.253.639.185	2.854.763.595
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.289.591.360	14.528.094.880	14.289.591.360	14.528.094.880
Đầu tư tài chính dài hạn	6.325.922.401	6.573.532.491	6.325.922.401	6.573.532.491
Các khoản ký quỹ	5.598.460.639	354.065.639	5.598.460.639	354.065.639
Tổng cộng	32.467.613.585	24.310.456.605	32.467.613.585	24.310.456.605
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	34.385.963.399	13.609.690.207	34.385.963.399	13.609.690.207
Phải trả người bán và phải trả khác	36.915.637.100	17.068.824.879	36.915.637.100	17.068.824.879
Chi phí phải trả	818.000	47.490.985	818.000	47.490.985
Tổng cộng	71.302.418.499	30.726.006.071	71.302.418.499	30.726.006.071

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro lớn khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2014		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.253.639.185	6.253.639.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.289.591.360	14.289.591.360
Đầu tư tài chính dài hạn	6.325.922.401	6.325.922.401
Các khoản ký quỹ	5.598.460.639	5.598.460.639
Tổng cộng	32.467.613.585	32.467.613.585
Tại 30/06/2014		
Các khoản vay	34.385.963.399	34.385.963.399
Phải trả người bán và phải trả khác	36.915.637.100	36.915.637.100
Chi phí phải trả	818.000	818.000
Tổng cộng	71.302.418.499	71.302.418.499
Chênh lệch thanh khoản thuần	(38.834.804.914)	(38.834.804.914)
	Dưới 1 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.854.763.595	2.854.763.595
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.528.094.880	14.528.094.880
Đầu tư tài chính dài hạn	6.573.532.491	6.573.532.491
Các khoản ký quỹ	354.065.639	354.065.639
Tổng cộng	24.310.456.605	24.310.456.605
Tại 01/01/2014		
Các khoản vay	13.609.690.207	13.609.690.207
Phải trả người bán và phải trả khác	17.068.824.879	17.068.824.879
Chi phí phải trả	47.490.985	47.490.985
Tổng cộng	30.726.006.071	30.726.006.071
Chênh lệch thanh khoản thuần	(6.415.549.466)	(6.415.549.466)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, cho thấy khả năng thanh khoản bị ảnh hưởng, có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện các thủ tục xin khoan nợ, giãn nợ đối với các khoản vay đến hạn trả, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn và như đã trình bày tại thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính - Thông tin phát hành cổ phiếu, khi Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu riêng cho các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức là các chủ nợ để tăng vốn điều lệ thì rủi ro thanh khoản ở mức thấp, khả năng thanh toán của Công ty sẽ được đảm bảo.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Bó Nặm Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty	Công ty liên kết Chủ sở hữu

Số dư với các bên liên quan:

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần ĐTTM và Du lịch Bó Nặm	2.897.857.320	2.897.857.320

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

	<u>Từ 01/01/2014 đến</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến</u>
	<u>30/06/2014</u>	<u>30/06/2013</u>
	VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	570.000.000	105.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	310.144.862	289.345.870
Cộng	880.144.862	394.345.870

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.

35. THÔNG TIN KHÁC

Công ty đã được cấp quyền khai thác quặng chì - kẽm tại khu vực Nà Bốp - Pù Sáp theo Giấy phép số 2528/GP-BTNMT ngày 12/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường, do đó, các chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn liên quan đến giai đoạn chuẩn bị khai thác sẽ được kết chuyển vào kết quả sản xuất kinh doanh trong các kỳ kế toán tiếp theo; việc này có thể dẫn đến một khoản lỗ tiềm tàng trên báo cáo tài chính cuối năm 2014, khi thu nhập từ hoạt động khai thác không đủ bù đắp các chi phí này.

Các mỏ do Công ty được quản lý nhưng đang dừng khai thác do chưa được cấp quyền khai thác bổ sung bao gồm: Mỏ Nà Duông, xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; Mỏ Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Công ty đang thực hiện các thủ tục liên quan đến việc cấp quyền khai thác cho các mỏ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

Theo quy định tại Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/03/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản. Công ty sẽ phát sinh các chi phí để thực hiện các biện pháp, công việc hoàn nguyên môi trường, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty đang xem xét việc trích lập chi phí để phục vụ cho công tác này.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán và cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác.



Trần Thị Yến
Người lập biểu
Bắc Kạn, ngày 14 tháng 08 năm 2014



Nguyễn Văn Chi
Kế toán trưởng

Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc